

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Kế hoạch số 90-KH/HU ngày 17/5/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện các Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện.

Căn cứ Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; Kế hoạch số 2281/KH-UBND ngày 09/10/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh gia lai năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của UBND huyện về việc phân khai cho UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM và phát triển KTXH vùng ĐB DTTS năm 2022; Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 V/v phân bổ vốn cho UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế;

Căn cứ Kế hoạch số 1455/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025 trên địa bàn huyện Kbang.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Kbang (sau đây gọi tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 2281/KH-UBND ngày 09/10/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh gia lai năm 2022; Kế hoạch số 90-KH/HU ngày 17/5/2022 của Huyện ủy Kbang; Kế hoạch số 1455/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND Huyện

Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025 trên địa bàn huyện Kbang.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nội dung đã được phê duyệt và căn cứ nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Kế hoạch số 1455/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện để chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong năm 2022.

- Tập trung các nguồn lực, ưu tiên đầu tư cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa bàn các xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn để tăng khả năng tiếp cận với các nhu cầu xã hội cơ bản, giảm tỷ lệ các hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân thiếu hụt, không được tiếp cận.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2022

- *Về giảm nghèo*: Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số >4,22% so với năm trước (*áp dụng theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025*).

- *Về bố trí, sắp xếp ổn định dân cư*: Giải quyết khoảng 45,08 % số hộ thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Về hạ tầng*: phân đầu đạt 98,6% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa; 100% thôn, làng có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 79,90% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố; 79,90% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; phân đầu 89% người đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và 85% đồng bào dân tộc thiểu số được nghe phát thanh.

- *Về giáo dục - đào tạo*: Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 97,5%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt 95,6%, học trung học cơ sở đạt 87,90%, học trung học phổ thông 41,1%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 72,2%.

- *Về y tế*: Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 90% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; đạt 84,6% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc được sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 18%.

- *Về văn hóa*: Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% di sản văn hóa truyền thống được kiểm kê, sưu tầm; 80% di tích xếp hạng được bảo vệ và chống xuống cấp; 91,90% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- *Về lao động, việc làm*: Phân đầu 37% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số; phân đầu đạt 81,20% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- *Về đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc*: Đào tạo, quy hoạch, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ huyện xuống xã 100%.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi của Chương trình

Trên địa bàn các xã, thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) của huyện; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Đối tượng của Chương trình

- Xã, thôn, làng vùng đồng bào DTTS&MN; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số (DTTS); hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn, làng đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp, Hợp tác xã ở địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn, làng đặc biệt khó khăn.

- Các đối tượng, phạm vi, địa bàn thụ hưởng cụ thể của từng Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thuộc Chương trình áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- **Nội dung 2. Hỗ trợ nhà ở:** Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất.

Kinh phí thực hiện: 1.320 triệu đồng (Ngân sách TW)

- **Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp.**

+ **Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất:** Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất.

Kinh phí thực hiện: 1.238 triệu đồng (NSTW: 1.138 tr.đ; NSDP: 120 tr.đ)

+ **Hỗ trợ chuyển đổi nghề:** Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo quy định tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh.

Kinh phí thực hiện: 370 triệu đồng (NSTW)

- **Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán:** Cho hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.

Kinh phí thực hiện: 48 triệu đồng (NSTW)

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng đối với dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung và ổn định tại chỗ sau khi dự án được phê duyệt.

- Kinh phí thực hiện: 15.129 triệu đồng (NS tỉnh).

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- Nội dung 1 – Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

Nội dung hỗ trợ: Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường; hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật; tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ; hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm, các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

Với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị: Tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

Với UBND các xã, thị trấn không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Căn cứ vào tình hình thực tế, UBND các xã, thị trấn tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ: Sản xuất Nông lâm nghiệp, tập huấn chuyển giao kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi...; Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng ... phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

Kinh phí thực hiện: 1.246 tr.đ (NSTW: 1.128 tr.đ; NSDP: 118 tr.đ)

- Nội dung 3 – Tiểu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN; Định kỳ hàng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS; Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Kinh phí thực hiện: 98 tr.đ (NSTW: 89 tr.đ; NSDP: 9 tr.đ)

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.

- Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

+ Nội dung số 01:

Nội dung hỗ trợ: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn: Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng;

Kinh phí thực hiện: 8.172 tr.đ (NSTW 7.984 tr.đ, NS huyện: 188 tr.đ).

Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN:

Kinh phí thực hiện: 2.000 tr.đ (NSTW).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

Nội dung hỗ trợ: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân

tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú: Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác. Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường PTDTNT, trường PTDTBT phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ. Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền. Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ. Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

Kinh phí thực hiện: 322 tr.đ (NSTW)

- Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

Nội dung hỗ trợ: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề (dệt thổ cẩm, điêu khắc tạc tượng, đan lát, dệt may, xây dựng, cơ khí, điện..); Hỗ trợ đào tạo nghề dự kiến tổ chức đào tạo, tập trung đẩy mạnh đào tạo nghề trình độ sơ cấp, các ngành nghề chủ yếu gắn với nhu cầu thực tiễn vùng đồng bào DTTS nhằm phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu của người lao động thiết thực trong công tác phát triển sản xuất kinh tế (Sửa chữa máy cày công suất nhỏ, Sửa chữa máy cắt cỏ cầm tay- máy phun thuốc trừ sâu, kỹ thuật xây dựng, sửa chữa xe gắn máy, lắp đặt và sửa chữa điện sinh hoạt... các nghề nông nghiệp gắn với cơ cấu nông nghiệp đặc trưng của địa phương: Trồng cà phê, rau an toàn, trồng lúa, trồng nấm, cạo mủ cao su, hồ tiêu, mắc ca..); Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS&MN để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS; Thực hiện các hoạt động trong công tác giáo dục nghề nghiệp, gồm nội dung: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án...

Kinh phí thực hiện: 1.770 tr.đ (NSTW)

- Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương. Các nội dung khác theo thực tế triển khai của địa phương đảm bảo phục vụ mục tiêu của Chương trình.

Kinh phí thực hiện: 174 tr.đ (NSTW)

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tại làng Stor, xã Tơ Tung; Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại 04 thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (làng Kon Bông - xã Đak rong; làng PoDrang-xã Krong; Làng KonKtonh-xã Kon Pne; Làng Đak Tơ Nglông-xã Sơn Lang). Hỗ trợ xây dựng mô hình sinh thái nhằm bảo tàng di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch tại làng MơHra, xã Kông long không.

Kinh phí thực hiện: 564 tr.đ (NSTW 407 tr.đ, NSDP 157 tr.đ)

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Nội dung hỗ trợ: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng; Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em; Đề xuất gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn;

Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới; Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS; Thí điểm và nhân rộng mô hình Địa chỉ tin an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình; Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người;

Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương; Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”; Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Kinh phí thực hiện: 597 tr.đ (NSTW: 540 tr.đ; NSDP: 57 tr.đ)

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- **Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế.

+ Kinh phí thực hiện: 1.584 tr.đ (NSTW)

- **Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN**

+ Nội dung hỗ trợ: Tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động, tư vấn, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Biên soạn, phát hành tài liệu, sản phẩm tuyên truyền về hôn nhân và phòng,

chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống (tiếng Việt, tiếng Bahnar và Jrai); Tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; Tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình.

+ Kinh phí thực hiện: 122 tr.đ (NSTW: 110 tr.đ; NSDP 12 tr.đ)

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- **Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030**

+ Nội dung hỗ trợ:

Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến; Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao giao, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội;

Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với địa phương cấp huyện, tỉnh), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số.

+ Kinh phí thực hiện: 171 tr.đ (NSTW: 155 tr.đ; NSDP: 16 tr.đ)

- **Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN**

+ Nội dung hỗ trợ: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

+ Kinh phí thực hiện: 05 tr.đ (NSTW)

- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

+ Nội dung hỗ trợ: Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng về các hoạt động của Chương trình. Tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình năm 2022. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp năm 2022.

Tổ chức 01 lớp tập huấn cho khoảng 70 người cấp huyện, xã về cơ chế vận hành, tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình.

Báo cáo đánh giá công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trong năm 2022 ở các cấp.

+ Kinh phí thực hiện: 23 tr.đ (NSTW: 23 tr.đ; NSĐP: 3 tr.đ)

V. TỔNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2022 là số **44.974** triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách giao là **34.956** triệu đồng (NS TW: 19.147 triệu đồng; NS tỉnh 15.406 triệu đồng; NS huyện: 403 triệu đồng);
- Vốn tín dụng: **8.993** triệu đồng;
- Dân đóng góp: **1.025** triệu đồng.

(Có bảng kế hoạch vốn chi tiết kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc

- Chịu trách nhiệm đơn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ và báo cáo UBND huyện kết quả triển khai các nội dung trong Kế hoạch này định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND huyện.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra giám sát và báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo yêu cầu của UBND huyện.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan

- Chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công chủ trì tại Kế hoạch số 1455/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện và các nội dung trong Kế hoạch này đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Tham mưu xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, các cơ chế, chính sách, quy định và hướng dẫn cụ thể các nội dung thực hiện các Dự án thuộc Chương trình theo lĩnh vực ngành trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và đặc thù của huyện.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ... phân đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình trong kế hoạch năm 2022.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền Chương trình; đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện Chương trình ở địa phương.

3. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ vào kế hoạch, mục tiêu của huyện và điều kiện thực tế của địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình năm 2022. Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí của Chương trình theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện ở cấp xã, nhất là về cơ chế, chính sách sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư công. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình năm 2022 ở địa phương và báo cáo UBND huyện theo quy định.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình và Kế hoạch này về UBND huyện (qua phòng Dân tộc để tổng hợp) theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về Quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc (báo cáo);
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, KT. *u*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VON THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KBANG

(Kèm theo Kế hoạch số 1594/KH-UBND ngày .../.../2022 của UBND huyện Kbang)

Biểu tổng hợp

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng các nguồn vốn	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư			Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Dân góp
			Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP			
	Tổng cộng	44.974	7.282	6.879	403	27.674	12.268	15.406		8.993	1.025
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	10.289	418	418		2.558	2.438	120		7.313	
1.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở										
1.2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	2.520				1.320	1.200	120		1.200	
1.3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	7.721	370		370	1.238	1.238			6.113	
-	Hỗ trợ đất sản xuất trực tiếp	1.238				1.238	1.238				
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	370	370		370						
1.4	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt	48	48	48							
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	48	48	48							
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung										
2	Dự án 2: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư	15.129				15.129		15.129			
2.1	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Lăng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klếch thuộc xã Krong	15.129				15.129		15.129			
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	4.049	1.344	1.217	127					1.680	1.025
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân										
3.2	Nội dung 1-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	3.801	1.246	1.128	118					1.680	875
3.3	Nội dung 3-Tiểu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	248	98	89	9						150
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	10.172	749	561	188	9.423	9.423				
4.1	Nội dung 1 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB DTTS&MN	10.172	749	561	188	9.423	9.423				

STT	Tên Dự án	Tổng các nguồn vốn	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư			Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Dán góp
			Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP			
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.266	2.266	2.266							
5.1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	322	322	322							
5.2	Nội dung 2 - TDA2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học										
5.3	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	1.770	1.770	1.770							
5.4	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	174	174	174							
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	564	564			564	407	157			
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dtts; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em										
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	597	597	540	57						
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	1.706	1.706	1.694	12						
9.1	Tiêu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	1.584	1.584	1.584							
9.2	Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	122	122	110	12						
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	202	202	183	19						
10.1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DB	171	171	155	16						
10.2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	5	5	5							
10.3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	26	26	23	3						

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 DỰ ÁN 1:

Biểu 01

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

(Kèm theo Kế hoạch số 1594/KH-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	Các địa phương	Nội dung								Tổng KH vốn	Trong đó	
		1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (TW10 trđ/hộ, vay vốn 100tr/hộ)		2. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (TW 3 trđ/hộ)		2. Hỗ trợ nhà ở (TW 40 trđ/hộ; ĐP 4trđ/hộ; vay vốn 40trđ/hộ)		Hỗ trợ đất sản xuất (TW 22,5 trđ/hộ; vay vốn 77,5 trđ/hộ)			Vốn SN	Vốn đầu tư
		Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp	Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp	Số lượng (hộ)	Vốn sự đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn đầu tư			
1	Thị trấn	7	70	3	9	3	132	4	90	301	79	222
2	xã Đông	2	20	0	0	3	132	4	90	242	20	222
3	xã Nghĩa An	3	30	0	0	1	44	6	135	209	30	179
4	xã Kông Bơ La	2	20	2	6	3	132	6	135	293	26	267
5	xã Kông Long Khong	5	50	3	9	3	132	5	112,5	304	59	245
6	xã Tơ Tung	5	50	1	3	3	132	7	157,5	343	53	290
7	xã Lơ Ku	3	30	0	0	1	44	8	180	254	30	224
8	xã Sơn Lang	4	40	0	0	2	88	1	22,5	151	40	111
9	xã Sơ Pai	0	0	2	6	0	0	2	45	51	6	45
10	xã Đăk Smar	0	0	1	3	3	132	-	-	135	3	132
11	xã Krong	6	60	0	0	1	44	3	68	172	60	112
12	xã Đak rong	0	0	4	12	1	44	6	135	191	12	179
13	Kon Pne	0	0	0	0	6	264	3	68,0	332	-	332
Tổng cộng		37	370	16	48	30	1.320	55	1.238	2.976	418	2.558,

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT



(Kèm theo Kế hoạch số 694/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện Kbang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị, danh mục dự án/phương án	Số làng	Số hộ được thực hiện dự án	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022	Trong đó:		Ghi chú
					Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
1	2	3	4	6	7	8	9
	Tổng cộng	4	235	15.129		15.129	
1	Ban quản lý Dự án ĐTXD huyện	4	235	15.129		15.129	
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Láng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Kléché thuộc xã Krong	4	235	15.129		15.129	

U

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022 CÁC NỘI DUNG 1, NỘI DUNG 3 - TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 3

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG DTTS&MN
(Kèm theo Kế hoạch số 1594/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị đề xuất phân khai	Tổng kế hoạch vốn phân khai	Trong đó							Ghi chú
			Thực hiện Nội dung 1 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3			Thực hiện Nội dung 3 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3				
			Tổng kinh phí	Trong đó		Tổng kinh phí	Trong đó			
				Ngân sách TW	Ngân sách Huyện		Ngân sách TW	Ngân sách Huyện		
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	118	7=8+9	8	9	10
	Tổng Cộng	1.344	1.246	1.128	6	118	98	89	9	
1	UBND xã Kon Phe	42	42	38		4				
2	UBND xã Đắk Smar	42	42	38		4				
3	UBND xã Kông Bờ La	126	126	115		11				
4	UBND xã Krong	170	170	155		15				
5	UBND xã Kông Long Khong	168	168	151		17				
6	UBND xã Lơ Ku	168	168	151		17				
7	UBND xã Tơ Tung	42	42	38		4				
8	UBND xã Sơ Pài	84	84	76		8				
9	UBND Thị trấn Kbang	168	168	151		17				
10	UBND xã ĐakRong	290	236	215		21	54	50	4	
11	Phòng Nông nghiệp và PTNT	44	0	0		0	44	39	5	

11

KẾ HOẠCH VỐN TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐB DTTS&MN NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 1594/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện).

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các đơn vị	Tổng nguồn vốn	Nội dung 1- Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi						Đơn vị thực hiện
			Vốn Sự nghiệp	Trong đó		Vốn đầu tư	Trong đó		
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10
I	Xã đặc biệt khó khăn	1.597	135	101	34	1.462	1.462		
1	xã Đakrong	1.597	135	101	34	1.462	1.462		xã Đakrong
II	Thôn, làng ĐBKK	6.575	614	460	154	5.961	5.961		
1	xã Krong	1.097	103	77	26	994	994		xã Krong
2	xã ĐăkSmar	273	25	19	6	248	248		xã ĐăkSmar
3	xã Lơ Ku	1.097	103	77	26	994	994		xã Lơ Ku
4	xã Kông Long Khong	1.097	103	77	26	994	994		xã Kông Long Khong
5	xã KonPne	273	25	19	6	248	248		xã KonPne
6	xã Kông Bơ La	820	76	57	19	744	744		xã Kông Bơ La
7	xã Sơ Pai	548	51	38	13	497	497		xã Sơ Pai
8	xã Tơ Tung	273	25	19	6	248	248		xã Tơ Tung
9	Thị trấn	1.097	103	77	26	994	994		Thị trấn
III	Tiêu chí Xây mới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	2.000				2.000	2.000		
1	xã Kông Long Khong	2.000				2.000	2.000		Ban quản lý Dự án ĐTXD huyện
	Tổng cộng	10.172	749	561	188	9.423	9.423	0	

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022 DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

(Kèm theo Kế hoạch số: 1594 /KH-UBND ngày 08 /11/2022 của UBND huyện).

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng dự án 5				Tiểu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào DTTS và miền núi				Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp			Đơn vị thực hiện
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
1	Phòng Giáo dục và đào tạo	322	322	0	322	322	0	0	322	0	0	0	0	0	0	0	Phòng Giáo dục và đào tạo
2	Trung tâm GDDN-GDTX	1.100	1.100	0	0	0	0	1.100	1.100	0	670	670	0	0	0	0	Trung tâm GDDN-GDTX
2	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	670	670	0	0	0	0	0	0	0	670	670	0	0	0	0	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội
3	Phòng Dân tộc	174	174		0	0	0	0	0	0	0	0	0	174	174	0	Phòng Dân tộc
	Tổng cộng	2.266	2.266	0	322	322	0	1.770	1.770	0	1.770	1.770	0	174	174	0	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN
THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

(Kèm theo Kế hoạch số 1594 /KH-UBND ngày 09 /11/2022 của UBND huyện Kbang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	KH vốn năm 2022	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	564	407	157	
I	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN	564	407	157	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	53	38	15	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	60	43	17	
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	451	326	125	

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022 DỰ ÁN 8 - THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Kế hoạch số 1694/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Nội dung: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với Phụ nữ và trẻ em			Đơn vị thực hiện
		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6
1	Hội Phụ nữ huyện	597	540	57	Hội Phụ nữ huyện
	Tổng cộng	597	540	57	

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022 (TIÊU DỰ' ÁN 1 - DỰ' ÁN 9: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn)

(Kèm theo Kế hoạch số 1594/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

KH vốn năm 2022							
STT	Tên đơn vị đề xuất phân khai	Tổng số hộ	Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
				NSTW	NSDP		
			1.584	1.584			
1	Thị trấn	11	154	154			
2	xã Kông Bơ La	9	126	126			
3	xã Kông Long Khong	12	168	168			
4	xã Tơ Tung	3	42	42			
5	xã Lơ Ku	12	168	168			
6	xã Sơ Pai	3	42	42			
7	xã Đak Smar	3	42	42			
8	xã Krong	25	350	350			
9	xã Đak rong	30	408	408			
10	xã Kon Phe	6	84,00	84			

Biểu số 9.2

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

(Kèm theo Kế hoạch số 1694/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Tiêu chí xã khu vực I,II,III	KH vốn năm 2022		
			Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp	
				NSTW	NSDP
	TỔNG CỘNG	12	122	110	12
	Phòng Dân tộc huyện		122	110	12

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP DỰ ÁN 10 NĂM 2022: TRUYỀN THÔNG, TUYỂN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐB DTTS & MN

KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỎ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số 459/KH-UBND, ngày 08/11/2022 của UBND huyện).

Đơn vị: tỉnh đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng dự án 10	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021 - 2030				Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thôn tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình				Đơn vị thực hiện
			Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	5	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	Phòng Văn hóa và Thông tin
2	Phòng Dân tộc	78	62	16	78	62	16	16	0	0	0	0	0	0	Phòng Dân tộc
3	Phòng Tư pháp	93	93	0	93	93	0	0	0	0	0	0	0	0	Phòng Tư pháp
4	Phòng Tài chính-Kế hoạch	26	23	3	0	0	0	0	0	0	0	26	23	3	Phòng Tài chính-Kế hoạch
	Tổng cộng	202	183	19	171	155	16	16	5	5	0	26	23	3	